

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
H1ỆN MỸ Đ
THNH PHỐ H NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04-4-2025

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN H1ỆN MỸ Đ – THNH PHỐ H NỘI

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Mạnh Tường.

Ông Nguyễn Tiến Bộ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Bích – Thư ký Tòa án nhân dân H1ện Mỹ Đ, tHnh phố H Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H1ện Mỹ Đ, tHnh phố H Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân H1ện Mỹ Đ, tHnh phố H Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1996.

Nơi thường trú: Buôn C, xã C, H1ện K, tỉnh Đ.

- Bị đơn: anh Ngô Văn H1, sinh năm 1987.

Nơi thường trú: Thôn V, xã H, H1ện M, TP H.

(Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân chị H trình bày: Chị và anh Ngô Văn H1 có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Thanh, H1ện Mỹ Đ, tHnh phố H Nội vào ngày 10/01/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng làm lao động tự do và chung sống với nhau hạnh phúc, hoà thuận đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm lối sống, anh H1 không quan tâm đến vợ con. Mặc dù đã cố gắng để Hn gắn, được gia đình

hai bên kh1ên giải nhưng đều không có kết quả. Thực tế vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không tồn tại, chị xin được ly hôn với anh H1 để ổn định cuộc sống mới. Đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết.

Về con chung: Chị và anh Ngô Văn H1 có 01 con chung là cháu Ngô Văn Đ, sinh ngày 18/6/2019. Hiện từ khi vợ chồng sống ly thân con chung đang ở với chị. Nay ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công sức và nợ chung: Chị H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn là anh Ngô Văn H1 trình bày: Anh xác nhận thời điểm anh và chị H tự nguyện đăng ký kết hôn như chị H đã trình bày. Theo anh H1, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022 do bất đồng quan điểm lối sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị H xin ly hôn quan điểm của anh là vẫn mong vợ chồng về đoàn tụ còn nếu chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý. Về con chung: Anh xác nhận giữa anh và chị H có 01 con chung là cháu Ngô Văn Đ, sinh ngày 18/6/2019. Hiện con chung đang ở với chị H. Nay ly hôn, chị H xin nuôi con và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung thì anh cũng đồng ý. Về tài sản chung và nợ chung: anh xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị H, bị đơn anh H1 đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, theo đó chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn anh H1 giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H1ện Mỹ Đ phát biểu ý kiến về quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình tiến Hnh tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn và bị đơn đã chấp Hnh đầy đủ quy định của pháp luật có liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; quá trình làm việc bị đơn anh Ngô Văn H1 dù được triệu tập và giao các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều không đến làm việc mà xin vắng mặt, nên đề nghị Tòa án tiến Hnh giải quyết vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Ngô Văn H1 .

Về con chung: Giao con chung là cháu Ngô Văn Đ, sinh ngày 18/6/2019 cho chị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày không có và không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị Thu H khởi kiện xin ly hôn anh Ngô Văn H1 có nơi cư trú tại thôn Vân, xã Hợp Thanh, H1ện Mỹ Đ, đã nộp tạm ứng án phí là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân H1ện Mỹ Đ, tHnh phố H Nội.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến Hnh xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Ngô Văn H1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/01/2019 tại UBND xã Hợp Thanh, H1ện Mỹ Đ, tHnh phố H Nội đây là hôn nhân hợp pháp. Các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc được một vài năm đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm lối sống, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, nay chị H xin được ly hôn, anh H1 cũng nhất trí ly hôn nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận là không trái pháp luật.

- Về con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung là Ngô Văn Đ, sinh ngày 18/6/2019. Hiện con chung đang ở với chị H. Nay ly hôn, chị H đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung và được anh H1 đồng ý. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu này của chị H là đúng pháp luật, không trái đạo Đ xã hội. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi về người nuôi con và trợ cấp nuôi con chung.

Anh Ngô Văn H1 có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, công sức và nợ chung: Chị H và anh H1 đều xác nhận không có và không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H .

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Ngô Văn H1.

2. Về con chung: chị Nguyễn Thị Thu H và anh Ngô Văn H1 đều xác nhận có 01 con chung là Ngô Văn Đ, sinh ngày 18/6/2019.

Giao con chung là cháu Ngô Văn Đ, sinh ngày 18/6/2019 cho chị Nguyễn Thị Thu H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu anh Ngô Văn H1 phải trợ cấp nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị Thu H cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con chung.

Anh Ngô Văn H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức và nợ chung: chị Nguyễn Thị Thu H và anh Ngô Văn H1 đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0077046 ngày 11/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự H1ện Mỹ Đ, tHnh phố H Nội.

5. Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND TP. H Nội;
- VKSND H1ện Mỹ Đ;
- Chi cục THADS H1ện Mỹ Đ;
- UBND xã Hợp Thanh (nơi đăng ký kết hôn);
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Hồng